

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
Về việc Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nở.

Bà Đặng Thị Huệ Tú.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 518/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1236/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đàm Bảo N**, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: **Số D đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**; trú tại: **Căn hộ B Lô A, chung cư L, A đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Dao Huong L**, sinh năm 1983; quốc tịch: Canada; địa chỉ: **E Home street, W, R3G 1X8, Canada**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1.1] Nguyên đơn ông **Đàm Bảo N** trình bày:

Ông và bà **Dao Huong L** đã tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 3728 quyển số 13 ngày 25 tháng 10 năm 2010, do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 22 tháng 10 năm 2010. Sau khi kết hôn bà Dao Huong L tiến hành thủ tục bảo lãnh ông sang Canada cùng sinh sống nhưng không hoàn tất được thủ tục, từ đó, ông không thể sang Canada và bà **Dao Huong L** cũng không có ý định về Việt Nam sinh sống. Năm 2014 bà **Dao Huong L** từ

Canada gửi đơn đồng ý ly hôn với ông, năm 2015 ông nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã rút đơn khởi kiện. Do khoảng cách về địa lý vợ chồng ông không có thời gian chung sống, không có sự gắn bó về tình cảm hay chia sẻ trong cuộc sống. Mặc dù đã nhiều lần tìm hướng giải quyết nhưng vợ chồng ông vẫn không tìm được tiếng nói chung, từ năm 2016 đến nay, ông và bà **Dao Huong L** đã không còn liên hệ gì với nhau. Nhận thấy không còn khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà **Dao Huong L**.

Về con chung: Ông và bà **Dao Huong L** không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà **Dao Huong L** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.2] Đối với bị đơn bà **Dao Huong L**:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Canada, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu bà **Dao Huong L** có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc ông **Đàm Bảo N** khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo Công văn ủy thác tư pháp số 897/UTTPDS-TA30 ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Tòa án).

Theo Công văn số 719/BTP-PLQT ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tư pháp, Cơ quan có thẩm quyền của Canada không thực hiện được ủy thác tư pháp do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu.

Nguyên đơn không thể cung cấp địa chỉ mới của bị đơn, bị đơn không có thân nhân tại Việt Nam nên đã có đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan đại diện của Việt Nam ở Canada. Theo đó, ngày 01 tháng 8 năm 2023, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có các công văn số 579/TAND-CV và 580/TAND-CV thông báo, tổng đạt đối với bị đơn. Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo, bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lời khai, tài liệu, chứng cứ, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện

kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn. Về con chung và tài sản chung, nợ chung nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là bà **Dao Huong L** quốc tịch Canada, hiện đang cư trú tại Canada; nguyên đơn ông **Đàm Bảo N** cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là người nước ngoài đang cư trú ở nước ngoài; nguyên đơn không thể cung cấp địa chỉ mới của bị đơn; Tòa án đã tiến hành thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo yêu cầu của nguyên đơn.

Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điểm c Khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 3728 quyển số 13 ngày 25 tháng 10 năm 2010, do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 22 tháng 10 năm 2010, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông **Đàm Bảo N** và bà **Dao Huong L** là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn ông **Đàm Bảo N** sau khi kết hôn thì vợ chồng ông không chung sống với nhau, mỗi người sinh sống một nơi. Cũng do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng ông không có sự gắn kết về tình cảm, không thể chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Năm 2014 bà **Dao Huong L** đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án nhưng đã rút lại đơn khởi kiện. Đến nay, do không thể hòa giải đoàn tụ được, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà **Dao Huong L**.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông **Đàm Bảo N** và bà **Dao Huong L** tuy có đăng ký kết hôn nhưng không thực tế chung sống, không có sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ông **Đàm Bảo N**

ly hôn bà **Dao Huong L** như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung: Nguyên đơn trình bày giữa ông và bà **Dao Huong L** không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa ông và bà **Dao Huong L** không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điểm c Khoản 6 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông **Đàm Bảo N**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đàm Bảo N** được ly hôn với bà **Dao Huong L**.

Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 3728 quyển số 13 ngày 25 tháng 10 năm 2010, do **Ủy ban nhân dân Thành phố H** cấp ngày 22 tháng 10 năm 2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

II. Án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Nguyên đơn ông **Đàm Bảo N** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003208 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn ông **Đàm Bảo N** phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông **Đàm Bảo N** có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn bà **Dao Hương L** cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC17)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nở

Đặng Thị Huệ Tú

Nguyễn Văn Tuấn